

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt dự án Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217
đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 80/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung; số 123/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 327/TTr-SGTVT ngày 20/01/2022 về việc phê duyệt dự án Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 319/SGTVT-TĐKHKT ngày 19/01/2022; của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Hà Trung tại Tờ trình số 14/TTr-BQLDA ngày 07/01/2022 và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung.

2. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Hà Trung.

3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Vinasean.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông của huyện theo quy hoạch; nâng cao năng lực vận tải, tạo tiền đề mở rộng và phát triển đô thị góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương; kết nối vùng liên huyện Nga Sơn - Hà Trung - Vĩnh Lộc - Cẩm Thủy, giao thông giữa các huyện phía Tây của tỉnh với đường bộ ven biển.

5. Quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng mới 3.457m đường giao thông theo tiêu chuẩn đường đô thị TCXDVN 104:2007; vận tốc thiết kế $V_{tk}=50\text{km/h}$. Công trình thoát nước vĩnh cửu; kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép, tải trọng thiết kế H30-Xb80; tần suất thiết kế $p=4\%$.

6. Giải pháp thiết kế chủ yếu

6.1. Bình đồ, hướng tuyến: Hướng tuyến phù hợp với quy hoạch điều chỉnh, mở rộng thị trấn Hà Trung được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 và khu dân cư hiện có.

- Điểm đầu Km0: Giao với Quốc lộ 217 tại Km1+250 tại thôn Đa Quả 1, xã Yên Sơn (vị trí đã được quy hoạch đầu nối tại Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Điểm cuối Km3+457: Giao với Đường tỉnh 508 tại Km4+350 thuộc thôn Chuế Cầu, xã Yên Sơn.

Tổng số có 03 đường cong, bán kính nhỏ nhất $R_{min}=400\text{m}$.

6.2. Cắt dọc: Cao độ thiết kế trên cơ sở tần suất thủy văn tính toán và cao độ các quy hoạch liên quan. Độ dốc dọc lớn nhất $i_{max}=1,18\%$.

6.3. Cắt ngang: Độ dốc ngang mặt đường hai mái $i_m=2\%$; dốc ngang lề đất $i_l=4\%$. Chiều rộng nền đường $B_n=12,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=10,5\text{m}$; chiều rộng lề đất $B_l=2 \times 0,75\text{m}=1,5\text{m}$.

6.4. Nền đường:

- Toàn tuyến là nền đắp bằng đất đòi đạt độ chặt $K \geq 0,95$, lớp sát đáy áo đường dày 30cm đạt $K \geq 0,98$; mái taluy đắp 1/1,5, gia cố mái bằng trồng cỏ.

- Xử lý nền đất yếu: Bằng giải pháp đào thay đất, vãi địa kỹ thuật, đắp cát và giếng cát.

6.5. Kết cấu áo đường: Mặt đường bê tông nhựa (BTN) có cường độ yêu cầu $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$, gồm các lớp:

- Lớp mặt: Bằng BTN chặt C19 dày 7cm, tưới thấm bám tiêu chuẩn nhựa $1,0\text{kg/m}^2$.

- Lớp móng: Bằng cấp phối đá dăm dày 65cm, gồm lớp móng trên cấp phối đá dăm loại I dày 30cm và lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 35cm. Đối với đoạn đi trùng với đường cũ, tăng cường lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày

15cm hoặc bù vênh bằng BTN.

6.6. Thoát nước mặt đường: Bằng chảy tỏa đối với đoạn ngoài khu dân cư. Đoạn từ Km3+232 - Km3+408,6 qua khu dân cư, bố trí rãnh dọc chịu lực có nắp kết hợp bó vỉa, thu nước qua tấm nắp, hố thu và thoát về cống ngang; cấu tạo rãnh bằng BTXM và BTCT.

6.7. Cống thoát nước ngang: Xây dựng mới cống thoát nước ngang các loại bằng cống hộp, cống bản; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép; chiều dài cống bằng chiều rộng nền đường, móng cống đặt trên nền thiên nhiên hoặc nền đất đã được xử lý.

6.8. Nút giao: Thiết kế giao bằng; tổ chức giao thông trong nút giao bằng biển báo, vạch sơn. Kết cấu mặt đường trong nút giao như phần tuyến.

6.9. Đường ngang: Vuốt nổi với bán kính $R \geq 5,0m$, độ dốc dọc $i \leq 6\%$; kết cấu mặt đường bằng BTN hoặc BTXM tùy theo vị trí và kết cấu mặt đường hiện trạng.

6.10. An toàn giao thông: Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông như: cọc tiêu, hộ lan tôn sóng, biển báo, vạch sơn phản quang,... theo tiêu chuẩn QCVN 41:2019/BGTVT.

6.11. Sửa chữa, hoàn trả đường công vụ phục vụ thi công: Thực hiện hoàn trả đối với các đường huyện, xã, nội thôn phục vụ cho dự án; các đường phục vụ chung cho các dự án chỉ sửa chữa hư hỏng cục bộ. Giải pháp thiết kế, thi công cụ thể được Chủ đầu tư thực hiện trước khi dự án bàn giao đưa vào khai thác.

(chi tiết như hồ sơ TKCS được Sở Giao thông vận tải thẩm định).

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Xã Yên Sơn, huyện Hà Trung.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 8,8 ha.

8. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm B, công trình giao thông, cấp II.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu: Chấp thuận theo Báo cáo thẩm định số 319/SGTVT-TĐKHKT ngày 19/01/2022 của Sở Giao thông vận tải.

10. Tổng mức đầu tư: 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng); trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	30.113.767.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	85.258.241.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.544.025.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	4.893.788.000 đồng;
- Chi phí khác:	2.965.290.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	15.215.000.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo).

11. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương 89,6 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh 22,4 tỷ đồng, vốn ngân sách huyện Hà Trung và các nguồn huy động hợp pháp khác 28 tỷ đồng.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2025.

13. Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi GPMB theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Hà Trung làm chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư để tổ chức thực hiện theo quy định.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Hà Trung tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 319/SGTVT-TĐKHKT ngày 19/01/2022.

- UBND huyện Hà Trung tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Hà Trung và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/c);
- Lưu: VT, CN (H'3.746,3.839).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung
(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Hạng mục chi phí	Thành tiền
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC	30.113.767.000
II	Chi phí xây dựng	85.258.241.000
III	Chi phí Quản lý dự án	1.544.025.000
IV	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	4.893.788.000
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	822.074.000
2	Chi phí khảo sát bước thiết kế BVTC	700.720.000
3	Chi phí cắm cọc GPMB và MLG	140.000.000
4	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	945.514.000
5	Chi phí lập đề cương nhiệm vụ khảo sát:	34.703.000
5.1	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	<i>13.681.000</i>
5.2	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	<i>21.022.000</i>
6	Chi phí giám sát khảo sát:	47.102.000
6.1	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	<i>18.569.000</i>
6.2	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	<i>28.533.000</i>
7	Chi phí thẩm tra:	261.990.000
7.1	<i>Thẩm tra thiết kế BVTC</i>	<i>82.700.000</i>
7.2	<i>Thẩm tra dự toán</i>	<i>79.290.000</i>
7.3	<i>Thẩm tra an toàn giao thông</i>	<i>100.000.000</i>
8	Chi phí giám sát thi công:	1.717.202.000
8.1	<i>Giám sát thi công xây dựng</i>	<i>1.707.723.000</i>
8.3	<i>Giám sát thi công RPBM, vật nổ</i>	<i>10.479.000</i>
9	Chi phí lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu:	127.023.000
9.1	<i>Gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo NCKT</i>	<i>4.853.000</i>
9.2	<i>Các gói thầu tư vấn</i>	<i>22.168.000</i>
9.3	<i>Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)</i>	<i>100.002.000</i>
10	Phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT:	90.259.000
10.1	<i>Các gói thầu tư vấn</i>	<i>4.788.000</i>
10.2	<i>Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)</i>	<i>85.471.000</i>
11	Khảo sát, lập phương án RPBM, vật nổ	6.543.000

TT	Hạng mục chi phí	Thành tiền
V	Chi phí khác	2.965.290.000
1	Chi phí kiểm toán	402.187.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	238.125.000
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	213.146.000
4	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	60.766.000
5	Thẩm định thiết kế BVTC	48.830.000
6	Thẩm định dự toán xây dựng	46.504.000
7	Thi công rà phá bom mìn, vật nổ	327.155.000
8	Thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường	931.084.000
9	Các chi phí khác:	697.492.000
9.1	<i>Chi phí đường dây. TBA phục vụ thi công</i>	<i>100.000.000</i>
9.2	<i>Chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật</i>	<i>450.000.000</i>
9.3	<i>Đảm bảo an toàn giao thông</i>	<i>147.492.000</i>
VI	Dự phòng	15.215.000.000
1	Dự phòng khối lượng, công việc phát sinh	11.720.000.000
2	Dự phòng trượt giá	3.495.000.000
	Tổng cộng (làm tròn)	140.000.000.000